



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU **DỊCH VỤ TƯ VẤN QUA MẠNG**

TÊN GÓI THẦU:

GÓI THẦU SỐ 1: DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG 08
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

HẠNG MỤC : DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG 08 CHƯƠNG
TRÌNH ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT,
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

ĐƠN VỊ LẬP E-HSMT:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG 85-90

ĐÀ NẴNG, NĂM 2025

MẪU SỐ 6A

HỒ SƠ MỜI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN QUA MẠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT
ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

HỒ SƠ MỜI THẦU

| | |
|---|---|
| Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống): | Số |
| Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống): | Gói thầu số 1: Dịch vụ kiểm định chất lượng 08 chương trình đào tạo |
| Hạng mục (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống): | Dịch vụ kiểm định chất lượng 08 chương trình đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng |
| Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống): | 15/7/2025 |
| Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống): | Số 652/QĐ-ĐHSPKT ngày 15/7/2025 |

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Bên mời thầu nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính là tệp tin PDF/Word do bên mời thầu chuẩn bị theo mẫu và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ vào các thông tin do Bên mời thầu nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSDT.

Trong chương này một số mẫu được số hóa dưới dạng webform và một số Mẫu là tệp tin PDF/Word. Nhà thầu cần nhập các thông tin vào các mẫu để hoàn thiện E-HSDT của mình.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu

câu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu; trách nhiệm của bên mời thầu. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Bên mời thầu chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này bao gồm điều khoản chung, áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu nhập các nội dung thông tin vào Điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Bên mời thầu chuẩn bị theo mẫu.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

| | |
|---------------|--|
| E-TBMT | Thông báo mời thầu |
| E-CDNT | Chỉ dẫn nhà thầu |
| E-HSMT | Hồ sơ mời thầu |
| E-HSDT | Hồ sơ dự thầu |
| E-HSĐXKT | Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật |
| E-HSĐXTC | Hồ sơ đề xuất về tài chính |
| E-BDL | Bảng dữ liệu đấu thầu |
| E-ĐKC | Điều kiện chung của hợp đồng |
| E-ĐKCT | Điều kiện cụ thể của hợp đồng |
| VND | đồng Việt Nam |
| Luật Đấu thầu | Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 |
| Nghị định 24 | Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 |
| DVTV | Dịch vụ tư vấn |
| Hệ thống | Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ http://muasamcong.mpi.gov.vn |
| PDF | Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc |
| Excel | Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu |
| Word | Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu |
| Webform | Định dạng tài liệu theo dạng biểu mẫu nhập sẵn trên Hệ thống |

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

| | |
|---|---|
| 1. Phạm vi gói thầu | <p>1.1 Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL.</p> |
| 2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng | <p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p> |
| 3. Nguồn vốn | <p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p> |
| 4. Hành vi bị cấm | <p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc</p> |

thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSMT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

g) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

| | |
|--|---|
| | <p>b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p> |
| <p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p> | <p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;</p> |

| | |
|---|--|
| | <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và e Mục 5.1 E-CDNT.</p> |
| <p>6. Nội dung của E-HSMT</p> | <p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Điều khoản tham chiếu. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p> |
| <p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p> | <p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSMT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị</p> |

| | |
|--------------------------------------|---|
| | <p>làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được Chủ đầu tư ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.5. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT.</p> |
| <p>8. Chi phí dự thầu</p> | <p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p> |
| <p>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</p> | <p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p> |

| | |
|--|---|
| 10. Thành phần của E-HSDT | <p>E-HSDT bao gồm E-HSDXKT và E-HSDXTC:</p> <p>10.1. E-HSDXKT bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSDXKT được Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; <p>10.2. E-HSDXTC phải bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSDXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 12 E-CDNT. <p>10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p> |
| 11. Đơn dự thầu và các bảng biểu | <p>Nhà thầu điền trực tiếp thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.</p> |
| 12. Giá dự thầu và giảm giá | <p>12.1 Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 15 Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.</p> <p>12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>12.3. Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá cố định, giá dự thầu không được vượt quá chi phí thực hiện gói thầu quy định tại E-BDL.</p> |
| 13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán | <p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p> |
| 14. Đề xuất kỹ thuật | <p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> |

| | |
|---|--|
| | <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p> |
| <p>15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</p> | <p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p> |
| <p>16. Thời điểm đóng thầu</p> | <p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p> |
| <p>17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p> | <p>17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p> |

| | |
|-------------------------------------|---|
| <p>18. Mở E-HSĐXKT</p> | <p>18.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSĐT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). |
| <p>19. Đánh giá E-HSĐXKT</p> | <p>19.1. Chủ đầu tư áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSĐXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E- HSĐXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá các nội dung về tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSĐT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong |

| | |
|-------------------------------|---|
| | <p>E-HSDT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên webform và trong tài liệu đính kèm. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, giá cố định hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 và Mục 21 E-CDNT. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSDXTC theo Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. - Nhà thầu có E-HSDXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSDXTC để đánh giá. - Bên mời thầu đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống. |
| <p>20. Mở E-HSDXTC</p> | <p>20.1. E-HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được Bên mời thầu tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSDXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Thông tin về gói thầu: <ul style="list-style-type: none"> - Số thông báo mời thầu; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; b) Thông tin về các nhà thầu được mở hồ sơ đề xuất về tài chính: <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (<i>Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá</i>) - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ |

| | |
|--|---|
| | <p>thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). |
| <p>21. Đánh giá E-HSDXTC và xếp hạng nhà thầu</p> | <p>21.1. Đánh giá E-HSDXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>21.3. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> |
| <p>22. Bảo mật</p> | <p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> |
| <p>23. Làm rõ E-HSDT</p> | <p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý</p> |

| | |
|--|--|
| | <p>để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> |
| <p>24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian</p> | <p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt về số lượng, khối lượng của từng nội dung thuộc chi phí khác cho chuyên gia nêu tại Mẫu số 13 Chương IV so với nội dung tương ứng thuộc đề xuất kỹ thuật thì số lượng, khối lượng thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc hiệu chỉnh sai lệch.</p> |
| <p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p> | <p>25.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi: Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên và các nội dung ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p> <p>25.2. Cách tính ưu đãi: Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau.</p> <p>25.3. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi thì phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p> |
| <p>26. Nhà thầu phụ</p> | <p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường</p> |

| | |
|--|--|
| | <p>hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đấu thầu thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> |
| <p>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</p> | <p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.</p> <p>27.2. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Báo cáo đánh giá E-HSĐT; b) E-HSĐT và các tài liệu làm rõ E-HSĐT (nếu có) của nhà thầu; c) E-HSMT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>27.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng; b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự; c) Tiến độ; d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có); |

| | |
|--|---|
| | <p>đ) Bố trí điều kiện làm việc;</p> <p>e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;</p> <p>g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSĐT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSĐT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>27.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng.</p> <p>27.5. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.6. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Bên mời thầu, Bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> |
| <p>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p> | <p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSĐT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp giá cố định và phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với</p> |

| | |
|---|---|
| | <p>phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p> |
| <p>29. Hủy thầu</p> | <p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> |
| <p>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p> | <p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; |

| | |
|---|--|
| | <p>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> |
| <p>31. Tùy chọn mua thêm</p> | <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 Luật Đấu thầu.</p> |
| <p>32. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</p> | <p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>32.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Dự thảo hợp đồng; b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; d) Biên bản thương thảo hợp đồng; đ) Các nội dung nêu trong E-HSĐT và văn bản giải thích làm rõ HSĐT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>32.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu Bên mời thầu không nhận được văn bản chấp thuận hoặc nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Bên mời thầu yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSĐT, nếu cần thiết.</p> <p>32.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để các Chủ đầu tư, Bên mời thầu có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>32.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSĐT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> |
| <p>33. Giải quyết kiến nghị trong</p> | <p>33.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư</p> |

| | |
|--|--|
| <p>đấu thầu</p> | <p>xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p> |
| <p>34. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</p> | <p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p> |

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

| | |
|--------------------------|--|
| E-CDNT 1.1 | Tên Bên mời thầu là: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng |
| E-CDNT 1.2 | <p>Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Dịch vụ kiểm định chất lượng 08 chương trình đào tạo</p> <p>Tên hạng mục là: Dịch vụ kiểm định chất lượng 08 chương trình đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng</p> |
| E-CDNT 3 | Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Vốn tự bổ sung hợp pháp của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật |
| E-CDNT 5.1 (c) | <p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Số 48 Cao Thắng, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng 85-90. Địa chỉ: Số 60 Quách Thị Trang, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng + Tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu: Công ty TNHH Tư vấn đấu thầu và Quản lý dự án Miền Trung, địa chỉ số 46 đường Lý Văn Tố, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, Bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> |

| | |
|--------------------|--|
| | <p>Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>Trường hợp nội dung về bảo đảm cạnh tranh tại Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu chưa được quy định tại Mục này thì Chủ đầu tư quy định tại BDL căn cứ Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.</p> |
| E-CDNT 7.3 | Hội nghị tiền đấu thầu: Không có |
| E-CDNT 8 | Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VND |
| E-CDNT 10.3 | <p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép hoạt động kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (còn hiệu lực) - Tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhà thầu quy định chi tiết tại Mục 2, Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT - Tài liệu chứng minh đối với nhân sự chủ chốt bố trí cho gói thầu - Các tài liệu đề xuất kỹ thuật và các tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT. |
| E-CDNT 12.2 | Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu |
| E-CDNT 12.3 | Chi phí thực hiện gói thầu: Không áp dụng |
| E-CDNT 14.3 | Đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt: Không áp dụng |
| E-CDNT 15.1 | Thời gian có hiệu lực của E-HSDT: ≥ 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. |
| E-CDNT 19.1 | Phương pháp đánh giá E-HSDT là: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá |
| E-CDNT 21.3 | Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất. |
| E-CDNT 25.1 | Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): |
| E-CDNT 26.3 | Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0 % giá dự thầu của nhà thầu |
| E-CDNT 28.4 | <p>Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu:</p> <p>Bao gồm tất cả chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện hợp đồng ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng)".</p> |
| E-CDNT 31 | - Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng |

| | |
|------------------------|---|
| E-CDNT 32.2 | <p>Nhà thầu phải gửi văn bản chấp thuận hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.</p> |
| E-CDNT 33.2 | <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền: Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật. + Địa chỉ: 48 Cao Thắng – Q. Hải Châu – Thành phố Đà Nẵng + Điện thoại: 0236.3532128, Fax: 0236.3894884; + E-mail: hanhchinhthonghop@Smp.udn.vn - Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị: Phòng Cơ sở Vật chất - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật. + Địa chỉ: 48 Cao Thắng – Q. Hải Châu – Thành phố Đà Nẵng + Điện thoại: 0236.3532128, Fax: 0236.3894884; |
| E-CDNT 34 | <p>Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Phòng Cơ sở Vật chất - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Địa chỉ: 48 Cao Thắng – Q. Hải Châu – Thành phố Đà Nẵng + Điện thoại: 0236.3532128, Fax: 0236.3894884; |

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong điều khoản tham chiếu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.
2. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.
3. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1 Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt; không quy định mức điểm tối thiểu đối với nội dung năng lực và kinh nghiệm. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

| STT | Tiêu chuẩn | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết(nếu có) | Mức điểm yêu cầu tối thiểu |
|-----|---|-------------|-----------------------------|----------------------------|
| 1 | Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm) | 5 | | |

| | | | |
|-----|--|-----|--|
| 1.1 | <p>a. Đã thực hiện hoàn thành hợp đồng kiểm định chất lượng CTĐT trình độ đại học trở lên trong vòng 03 năm trở lại đây (từ năm 2022) đến thời điểm đóng thầu (Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành).</p> <p>Tài liệu kèm theo: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành, biên bản thanh lý hợp đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng hoặc tài liệu chứng minh hoàn thành khác;</p> | 1,5 | <p>≥ 5 hợp đồng tương tự: 1,5 điểm - từ 3-4 hợp đồng tương tự: 1,275 điểm - từ 1-2 hợp đồng tương tự: 1,05 điểm - không có hợp đồng tương tự: 0 điểm</p> |
| 1.2 | <p>b) Số năm nhà thầu hoạt động trong lĩnh vực tư vấn có liên quan đến công việc tham dự trong gói thầu (Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo) tính đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>Tài liệu chứng minh: Bản scan từ bản gốc (hoặc chứng thực): Hợp đồng tư vấn và hóa đơn tài chính hoặc xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư hợp đồng tư vấn đầu tiên hoặc văn bản về sản phẩm của hợp đồng có giá trị xác minh tương đương (số năm kinh nghiệm được xét trên thời điểm ký văn bản).</p> <p>Đối với liên danh dự thầu: Số năm kinh nghiệm đã thực hiện công tác tư vấn của liên danh được tính theo nhà thầu có số năm kinh nghiệm thấp nhất trong liên danh.</p> | 1,5 | <p>- Số năm kinh nghiệm ≥ 8 năm: 2 điểm. - Số năm kinh nghiệm từ 6-7 năm: 1,7 điểm. - Số năm kinh nghiệm từ 3-5 năm: 1,4 điểm. - Số năm kinh nghiệm < 03 năm: 0 điểm.</p> |
| 1.3 | <p>Đã có kinh nghiệm kiểm định chất lượng tối thiểu 5/8 chương trình đào tạo có tên trong gói thầu bao gồm: (1) Công nghệ kỹ thuật cơ khí; (2) Công nghệ kỹ thuật nhiệt,</p> | 2 | <p>- Có kinh nghiệm kiểm định chất lượng 6/8 chương trình đào tạo có tên trong gói thầu: 2 điểm; - Có kinh nghiệm kiểm định chất lượng</p> |

| | | | |
|--|--|--|---|
| | <p>(3) Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, (4) Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, (5) Công nghệ kỹ thuật giao thông, (6) Công nghệ vật liệu, (7) Công nghệ kỹ thuật môi trường, (8) Su phạm Kỹ thuật công nghiệp (Tài liệu chứng minh: Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD và Giấy chứng nhận KĐCLGD)</p> | | <p>5/8 chương trình đào tạo có tên trong gói thầu: 1,4 điểm. - Không đáp ứng: 0 điểm.</p> |
|--|--|--|---|

| | | | |
|-----|--|---|--|
| 2 | <p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (5% tổng số điểm)</p> | 5 | |
| 2.1 | <p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu của nhà thầu</p> | 5 | <p>- Cam kết nhà thầu không vi phạm các hành vi sau đây: + Không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) + Nhà thầu đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng + Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng + Nhà thầu cam kết không có hợp đồng</p> |

| | | | | | |
|-----|--|----|--|--|----|
| | | | | <p>tương tự trước đó mà nhà thầu không hoàn thành do lỗi của nhà thầu. Đầy đủ các cam kết: 5 điểm - Không có các cam kết trên: 0 điểm</p> | 22 |
| 3 | Giải pháp và phương pháp luận (Từ 30 đến 40% tổng số điểm) | 30 | | | |
| 3.1 | a) Hiểu rõ mục đích gói thầu | 4 | | <ul style="list-style-type: none"> - Am hiểu về gói thầu, mô tả đầy đủ: 4 điểm - Có am hiểu về gói thầu, mô tả tương đối đầy đủ nhưng chấp nhận được: 3 điểm - Không am hiểu về gói thầu, không mô tả: 0 điểm | 3 |
| 3.2 | b) Cách tiếp cận và phương pháp luận | 10 | | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu đạt 10 điểm tối đa khi trình bày và đáp ứng toàn bộ các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Có giải pháp và quy trình triển khai thực hiện công việc được đánh giá là phù hợp với yêu cầu, mục đích của gói thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước. + Đề xuất biện pháp quản lý hồ sơ, tài liệu trong quá trình kiểm định. + Có bản cam kết lựa chọn thành viên đoàn kiểm định chất lượng không có xung đột về lợi ích với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng; trước đây và hiện nay không làm việc tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng; không có người thân (bố, | 7 |

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | | <p>me, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) là thành viên trong Ban lãnh đạo của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng.</p> <p>+ Có sơ đồ tổ chức nhân sự tham gia gói thầu và mô tả thuyết minh sơ đồ phù hợp với thời gian thực hiện và giải pháp triển khai, mô tả thuyết minh sơ đồ tổ chức được đánh giá là hợp lý, phù hợp với giải pháp và phương pháp luận do nhà thầu đề xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trình bày tương đối đầy đủ các yêu cầu: 7 điểm; - Không trình bày hoặc trình bày thiếu các yêu cầu: 0 điểm. | |
|--|--|--|---|--|

| | | | | |
|-----|-----------------------|---|--|---|
| 3.3 | c) Sáng kiến cải tiến | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Có đề xuất sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện: 4 điểm - Có đề xuất sáng kiến cải tiến nhưng mức độ đề xuất tương đối khả thi: 3 điểm; - Không có đề xuất sáng kiến hoặc đề xuất sáng kiến không khả thi: 0 điểm. | 3 |
|-----|-----------------------|---|--|---|

| | | | | |
|-----|---|----|--|----|
| 3.4 | d) Cách trình bày | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Hợp lý, dễ xem xét và đánh giá: 4 điểm - Tương đối hợp lý để xem xét và đánh giá được: 3 điểm - Trình bày không hợp lý, thiếu cơ sở đánh giá: 0 điểm. | 3 |
| 3.5 | đ) Kế hoạch triển khai | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Có đề xuất kế hoạch triển khai đầy đủ. Mô tả hoàn chỉnh, phù hợp: 4 điểm - Có đề xuất kế hoạch triển khai tương đối hợp lý, khả thi: 3 điểm; - Không đề xuất kế hoạch triển khai hoặc kế hoạch triển khai không hợp lý, khả thi: 0 điểm. | 3 |
| 3.6 | e) Bố trí nhân sự | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Bố trí nhân sự phù hợp hoàn toàn với gói thầu: 4 điểm; - Bố trí nhân sự tương đối phù hợp với gói thầu: 3 điểm; - Không bố trí nhân sự hoặc bố trí nhân sự không phù hợp: 0 điểm. | 3 |
| 4 | Nhân sự chủ chốt (Từ 50 đến 60% tổng số điểm) | 60 | | 48 |
| | Vị trí | | Số lượng | |
| 4.1 | Chuyên gia thẩm định nội dung báo cáo tự đánh giá | 10 | 12 | 8 |

| | | | | |
|-------|--|---|--|-----|
| 4.1.1 | <p>Chuyên gia thẩm định nội dung (Số lượng 8 người; 2 chuyên gia/1 CTĐT) Yêu cầu tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học hàm, học vị: Thạc sĩ trở lên; - Có Thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp còn hiệu lực; - Mỗi chuyên gia thẩm định tối đa 2 CTĐT; - Yêu cầu kinh nghiệm: + Có kinh nghiệm Thẩm định nội dung báo cáo tự đánh giá ít nhất 01 hợp đồng có 02 chương trình đào tạo trình độ đại học trở lên. <p>(Tài liệu chứng minh: Hợp đồng, nghiệm thu và thanh lý ký giữa nhân sự và nhà thầu).</p> | 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu và có ít nhất 50% chuyên gia có học hàm, học vị Tiến sĩ trở lên: 7 điểm - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu và 100% chuyên gia có bằng tốt nghiệp thạc sĩ từ 10 năm trở lên: 5,6 điểm -- Không đáp ứng: 0 điểm | 5,6 |
| 4.1.2 | <p>Chuyên gia thẩm định kỹ thuật văn bản, pháp lý (Số lượng 4 người, 1 chuyên gia/CTĐT) Yêu cầu tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học hàm, học vị: Thạc sĩ trở lên; chuyên ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục, có thời gian tốt nghiệp trên văn bằng > 3 năm; - Mỗi chuyên gia thẩm định tối đa 2 CTĐT; - Có kinh nghiệm: + Thẩm định kỹ thuật văn bản, pháp lý báo cáo tự đánh giá ít nhất 01 hợp đồng có 02 chương trình đào tạo trình độ đại học trở lên. + Chuyên gia thẩm định kỹ thuật văn bản pháp lý báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nào đang xét trong gói thầu phải có kinh nghiệm thẩm định kỹ thuật văn bản pháp lý báo cáo tự đánh giá của tối thiểu 1/2 chương trình đào tạo được giao thẩm định. <p>(Tài liệu chứng minh: Hợp đồng, nghiệm thu và thanh lý ký giữa nhân sự và nhà thầu).</p> | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu, Có Thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp còn hiệu lực/ Chứng chỉ hoàn thành CTĐT kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục/Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên giáo dục ĐH&CDSP: 3 điểm - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu: 2,4 điểm - Không đáp ứng: 0 điểm | 2,4 |

| 4.2 | Chuyên gia thực hiện nội dung Đánh giá ngoài | 15 | 35 | | 28 |
|-------|--|----|---|-----|----|
| 4.2.1 | <p>Trưởng đoàn: Số lượng 1 người Yêu cầu tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học hàm, học vị: Tiến sĩ trở lên. - Đã hoặc đang là trưởng khoa, phó trưởng khoa hoặc giữ các chức vụ khác tương đương hoặc cao hơn. - Có thể kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp còn hiệu lực. - Năng lực kinh nghiệm: + Có kinh nghiệm là Trưởng đoàn đánh giá ngoài của tối thiểu 15 chương trình đào tạo. <p>(Tài liệu chứng minh: Quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài với vị trí tương tự hoặc xác nhận của Chủ đầu tư nhân sự đã tham gia thực hiện hợp đồng với vị trí tương tự).</p> | 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu; Học hàm, học vị: Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ (100% điểm): 7 điểm - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu (80% điểm): 5,6 điểm - Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. | 5,6 | |
| 4.2.2 | <p>Thư ký: Số lượng 1 người Yêu cầu tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học hàm, học vị: Thạc sĩ trở lên. - Là thành viên của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; - Có thể kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp còn hiệu lực. - Năng lực kinh nghiệm: + Có kinh nghiệm là Thư ký đoàn đánh giá ngoài của tối thiểu 15 chương trình đào tạo. <p>(Tài liệu chứng minh: Quyết định thành lập đoàn đánh</p> | 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu; Học hàm, học vị: Tiến sĩ trở lên: 5 điểm - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu: 4 điểm - Không đáp ứng: 0 điểm | 4 | |

| | | | | |
|--------------|--|----------|---|----------|
| | <p>giá ngoài với vị trí tương tự hoặc xác nhận của Chủ đầu tư nhân sự đã tham gia thực hiện hợp đồng với vị trí tương tự).</p> | | | |
| <p>4.2.3</p> | <p>Thành viên thường trực: Số lượng 1 người Yêu cầu tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học hàm, học vị: Thạc sĩ trở lên. - Là thành viên của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; - Có thể kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp còn hiệu lực; - Năng lực kinh nghiệm: + Có kinh nghiệm là Thành viên thường trực đoàn đánh giá ngoài của tối thiểu 15 chương trình đào tạo. (Tài liệu chứng minh: Quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài với vị trí tương tự hoặc xác nhận của Chủ đầu tư nhân sự đã tham gia thực hiện hợp đồng với vị trí tương tự). | <p>5</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu; Học hàm, học vị: Tiến sĩ trở lên (100% điểm): 5 điểm - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu (80% điểm): 4 điểm - Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. | <p>4</p> |

| | | | | |
|-------|--|----|--|-----|
| 4.2.4 | <p>Thành viên đoàn đánh giá ngoài: Số lượng 11 chuyên gia (ngoài vị trí Trưởng đoàn, Thư ký, Thành viên thường trực).</p> <p>Yêu cầu tối thiểu: Học hàm, học vị: Tiến sĩ trở lên; - Có Thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp còn hiệu lực.</p> | 15 | <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu, Học hàm, học vị: tối thiểu 50% thành viên đoàn có học hàm Phó Giáo sư trở lên: 15 điểm - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu: 12 điểm - - Không đáp ứng: 0 điểm | 12 |
| 4.2.5 | <p>Giám sát: Số lượng 01 giám sát viên; Yêu cầu tối thiểu: + Là người làm việc toàn thời gian tại tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; + Trình độ: Thạc sĩ, có thời gian tốt nghiệp trên văn bằng 5 năm trở lên; + Có Thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp còn hiệu lực; - Năng lực kinh nghiệm: + Có kinh nghiệm là giám sát đoàn đánh giá ngoài của tối thiểu 15 chương trình đào tạo. - (Tài liệu chứng minh: Quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài với vị trí tương tự hoặc xác nhận của Chủ đầu tư nhân sự đã tham gia thực hiện hợp đồng với vị trí tương tự).</p> | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu, Học hàm, học vị: Thạc sĩ có thời gian tốt nghiệp trên văn bằng ≥ 10 năm trở lên: 3 điểm - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu: 2,4 điểm - Không đáp ứng: 0 điểm | 2,4 |
| 4.3 | <p>Chuyên gia thực hiện nội dung thẩm định kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo</p> | 15 | | 12 |

| | | | | |
|-------|--|---|--|-----|
| 4.3.1 | <p>Chủ tịch Số lượng 1 người Yêu cầu tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học hàm, học vị: Tiến sĩ; - Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc Phó Giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Giám đốc ủy quyền. - Có Thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp còn hiệu lực. <p>(Tài liệu chứng minh: Hợp đồng hoặc Quyết định bổ nhiệm nhân sự đã tham gia thực hiện hợp đồng với vị trí tương tự hoặc xác nhận của Chủ đầu tư nhân sự đã tham gia thực hiện hợp đồng với vị trí tương tự hoặc các tài liệu chứng minh khác có giá trị tương đương).</p> | 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu; Học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ trở lên (100% điểm): 5 điểm; Đáp ứng yêu cầu tối thiểu (80% điểm): 4 điểm; - Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. | 4 |
| 4.3.2 | <p>Thư ký hội đồng Số lượng 1 người Yêu cầu tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học hàm, học vị: Thạc sĩ; - Có Thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp còn hiệu lực. | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu; Học hàm, học vị: Tiến sĩ trở lên (100% điểm): 3 điểm; - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu (80% điểm): 2,4 điểm; - Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. | 2,4 |
| 4.3.3 | <p>Ủy viên Hội đồng Số lượng 13 người Yêu cầu tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học hàm, học vị: Tiến sĩ; Có Thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp còn hiệu lực. | 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu, Học hàm, học vị: tối thiểu 50% thành viên đoàn có học hàm Phó Giáo sư trở lên (100% điểm): 7 điểm; - Đáp ứng yêu cầu tối thiểu (80% điểm): 6,4 điểm; Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. | 5,6 |

| | | | | |
|-----|---|------------|--|-----------|
| 5 | Yêu cầu về chuyên giao công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm) | | | |
| 5.1 | Không yêu cầu | | | |
| | Tổng cộng (100%) | 100 | | 70 |

Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê.

2.2. Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự là 100%.

- Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 3 của Bảng trên mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận nhân sự được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận nhân sự được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

Sử dụng thang điểm 100 thống nhất với thang điểm về kỹ thuật. Điểm giá được xác định như sau:

$$G_{\text{thấp nhất}} \times 100$$

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{\text{Giá đang xét}}{G_{\text{thấp nhất}}}$$

$G_{\text{đang xét}}$

Trong đó:

- + Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét;
 - + $G_{\text{hấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính.
 - + $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét.
 - Xác định điểm tổng hợp:
- Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:
- $$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$
- Trong đó:
- + Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;
 - + Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;
 - + K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%; $K (\%) = 80$
 - + G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%; $G (\%) = 20$
 - + $K + G = 100\%$;
 - Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

| Stt | Biểu mẫu | Cách thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | |
|-----------------|--|----------------------------|-----------------------|----------|
| | | | Bên mời thầu | Nhà thầu |
| 1 | Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu | Webform | X | |
| E-HSDXKT | | | | |
| 2 | Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXKT | | | X |
| 3 | Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh | | | X |
| 4 | Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu | Scan đính kèm lên Hệ thống | | X |
| 5 | Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu | | | X |
| 6 | Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện DVTV | | | X |
| 7 | Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn | | | X |
| 8 | Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc | Webform | | X |
| 9 | Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV | | | X |
| 10 | Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ | | | X |
| E-HSDXTC | | | | |
| 11 | Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC | | | X |
| 12 | Mẫu số 12. Bảng thù lao cho chuyên gia | | | X |

| | | | | |
|----|--|--|--|---|
| 13 | Mẫu số 12A. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia | | | X |
| 14 | Mẫu số 13. Chi phí khác cho chuyên gia | | | X |
| 15 | Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng | | | X |
| 16 | Mẫu số 15. Tổng hợp chi phí | | | X |

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU
HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU

1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói

Mẫu số 01A

| STT | Mô tả công việc | Đơn vị tính | Khối lượng |
|-----|--|-------------|------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| 1 | Gói thầu số 1: Dịch vụ kiểm định chất lượng 08 chương trình đào tạo <i>(chi tiết yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu ở Chương V)</i> | Gói | 01 |

2. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

Mẫu số 01B

| STT | Mô tả công việc | Đơn vị tính | Khối lượng |
|-----|---|-------------|------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| | <i>Dẫn chiếu đến yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu ở Chương V</i> | | |
| | | | |

3. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc theo thời gian

Mẫu số 01C

| STT | Mô tả công việc |
|-----|---|
| 1 | <i>Dẫn chiếu đến yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu ở Chương V</i> |
| 2 | |
| | |

Ghi chú:

- Mẫu 01A áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng hợp đồng trọn gói;

- Mẫu 01B áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng hợp đồng theo đơn giá;

- Mẫu 01C áp dụng cho phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc theo thời gian.

- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc khác nhau thì có thể áp dụng đồng thời các Mẫu 01A, 01B, 01C tương ứng cho từng hạng mục công việc.

Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾**
(thuộc E-HSĐXKT)Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSĐXKT: ___ [*Hệ thống tự trích xuất từ E-TBMT*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

6. Những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực.

7. Trường hợp trúng thầu, E-HSĐT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT.

THỎA THUẬN LIÊN DANHNgày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Thuộc dự án: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽¹⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽¹⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Số đăng ký doanh nghiệp: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Số đăng ký doanh nghiệp: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Số đăng ký doanh nghiệp: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

| STT | Tên | Nội dung công việc đảm nhận | Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu |
|-----|-----------------------------------|-----------------------------|--|
| 1 | Tên thành viên đứng đầu liên danh | - ____ - ____ | - ____ % - ____ % |

| | | | |
|------------------|--------------------------------------|---|------------------------|
| | <i>(Hệ thống tự động trích xuất)</i> | | |
| 2 | Tên thành viên thứ 2 | - _____ - _____ | - _____ % - _____ % |
| | | | |
| Tổng cộng | | Toàn bộ công việc của gói thầu | 100% |

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[*xác nhận, chữ ký số*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[*xác nhận, chữ ký số*]

Ghi chú:

- (1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ [Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

| Thời gian | Tên công việc [mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính] | Tên gói thầu, tên dự án, chủ đầu tư, địa điểm làm việc | Giá trị hợp đồng (trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện) | Vai trò trong công việc [ghi nhà thầu chính, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh] | Thời gian thực hiện hợp đồng [ghi rõ từ ngày... đến ngày...] | Thời gian thực hiện hợp đồng thực tế [từ ngày... đến ngày...] Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do |
|-----------|--|--|---|---|---|---|
| | | | | | | |

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

| Thời gian | Tên công việc [mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính] | Tên gói thầu, tên dự án, chủ đầu tư, địa điểm làm việc | Giá trị hợp đồng (trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện) | Vai trò trong công việc [ghi nhà thầu chính, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh] | Thời gian thực hiện hợp đồng [ghi rõ từ ngày... đến ngày...] | Thời gian thực hiện hợp đồng thực tế [từ ngày... đến ngày...] Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do |
|-----------|--|--|---|---|---|---|
| | | | | | | |

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất về kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

1. Giải pháp và phương pháp luận
2. Kế hoạch công tác
3. Tổ chức và nhân sự

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/ công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

| | |
|-----------------------------|---------------------------|
| Tên và số của vị trí tư vấn | [Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM] |
| Tên chuyên gia tư vấn: | [điền tên đầy đủ] |
| Ngày sinh: | [ngày/tháng/năm] |
| Quốc tịch | |

Trình độ học vấn: {liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được}

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

| Thời gian (từ...đến...) | Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu | Địa điểm làm việc | Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu |
|-------------------------|---|-------------------|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

| Stt | Nội dung công việc ⁽¹⁾ | Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống] | | | | | | | Tổng |
|-----|--|---|---|---|---|---|-------|---|------|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | n | |
| 1 | [Ví dụ: Hạ mục công việc 1: 1) Thu thập dữ liệu 2) Soạn thảo báo cáo 3) Báo cáo sơ bộ 4) Tổng hợp ý kiến 5) ... 6) Báo cáo cuối cùng] | | | | | | | | |
| 2 | [Hạ mục công việc 2] | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |
| n | | | | | | | | | |

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
 (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

Mẫu số 09 (Webform trên Hệ thống)

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

| Stt | Tên | Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu | Chức danh bố trí trong gói thầu | Cách thức huy động | Địa điểm làm việc | Số công [Chọn người/tháng hoặc người/ngày] ¹ | | | Tổng số tháng công/nhà thầu |
|-----------|-------------------------------------|---|---|---|-------------------|---|----------------------|-----|-----------------------------|
| | | | | | | Hạng mục công việc 1 | Hạng mục công việc 2 | ... | |
| I | Nhân sự chủ chốt³ | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn A | | [Hệ thống trích xuất theo vị trí nêu tại Biểu 3 Chương III] | [Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê] | [Công ty] | | | | [Hệ thống tự tính] |
| 2 | | | | | [Thực địa] | | | | [Hệ thống tự tính] |
| | | | | | [Công ty] | | | | |
| | Số công nhân sự chủ chốt | | | | [Thực địa] | | | | |
| II | Nhân sự khác | | | | | | | | |
| 1 | | | [Nhà thầu điền] | Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê] | [Công ty] | | | | [Hệ thống tự tính] |
| 2 | | | | | [Thực địa] | | | | [Hệ thống tự tính] |
| | Số công nhân sự khác | | | | | | | | |

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Mục 14.3 BDL có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không thấp hơn quy định tại Mục 14.3 BDL.
- (2) Hạng mục công việc được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 08
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

| STT | Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾ | Phạm vi công việc ⁽³⁾ | Khối lượng công việc ⁽⁴⁾ | Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾ | Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾ |
|-----|---------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|--|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | | | | | |
| ... | | | | | |

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾*(thuộc E-HSĐXTC)*Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [*Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSĐXTC: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSMT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSMT.

THỦ LAO CHO CHUYÊN GIA (*)

| STT | Họ và tên (1) | Chức danh bố trí trong gói thầu (2) | Địa điểm làm việc (3) | Thủ lao/tháng- (ngày) người (4) | Số tháng (ngày) người (5) | Thủ lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5) | Tổng (7) |
|-----------|---|---|--------------------------|---|---|--|-------------|
| I | Nhân sự chủ chốt | | | | | | |
| 1 | [Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09] | [Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09] | Công ty | [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thủ lao] | [Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09] | (a) | (a) + (b) |
| 2 | | | Thực địa | [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thủ lao] | [Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09] | (b) | |
| II | Nhân sự khác | | | | | | |
| 1 | [Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09] | [Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09] | Công ty | [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thủ lao] | [Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09] | | |
| 2 | | | Thực địa | [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thủ lao] | [Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09] | | |
| | | | | | | Tổng cộng | (A) |

Ghi chú:

- (*) : Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục III Mẫu số 01C Chương này.
- (1), (2), (5) : Được Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 09
- (4) : Nhà thầu điền trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu phân tích thủ lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp E-HSMT yêu cầu phân tích thủ lao chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A để Hệ thống trích xuất thông tin vào cột này.
- Cột (6) (7) : Hệ thống tự tính

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

| STT | Họ tên chuyên gia | Chức danh | Địa điểm làm việc | Lương cơ bản | Chi phí xã hội ¹ % của (3) | Chi phí quản lý chung ² % của (3) | Cộng (3)+(4)+(5) | Lợi nhuận % của (6) | Phụ cấp xa nhà | Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) (6)+(7)+(8) |
|-----|-------------------|-----------|-------------------|--------------|---------------------------------------|--|------------------|---------------------|----------------|---|
| | (1) | (1a) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| 1 | Nguyễn Văn A | | Công ty | | | | | | | |
| | | | Thực địa | | | | | | | |
| | | | Công ty | | | | | | | |
| | | | Thực địa | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | |

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

- ¹ Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;
- ² Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

| STT | Miêu tả | Đơn vị tính | Chi phí/đơn vị (1) | Số lượng (2) | Chi phí (3) |
|---------------------|----------------------------------|-------------|-----------------------|--|----------------|
| 1 | [Công tác phí] | [Ngày] | | [Hệ thống tự tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09] | (1)x(2) |
| 2 | [Chuyến bay] | [Chuyến] | | | |
| 3 | [Chi phí liên lạc] | | | | |
| 4 | [Thiết bị, tài liệu...] | | | | |
| 5 | [Chi phí đi lại trong nước] | | | | |
| 6 | [Thuế văn phòng, thư ký hỗ trợ] | | | | |
| 7 | [Đào tạo nhân sự của chủ đầu tư] | | | | |
| Tổng chi phí | | | | | (B) |

Cột (3): Hệ thống tự động tính

MẪU SỐ 14 (WEBFORM TRÊN HỆ THỐNG)**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC****DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

| STT | Mô tả công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá (bao gồm VAT) | Thành tiền (bao gồm VAT) |
|------------------|--|-------------|------------|--------------------------|-----------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) = (4) x (5) |
| I | Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói | | | | (M1) |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |
| II | Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá | | | | (M2) |
| | Các công việc | | | | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | M=(M1+M2) |

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Hệ thống trích xuất từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Hệ thống tự động tính.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

| | |
|---|-------------|
| Thù lao cho chuyên gia | (A) |
| Chi phí khác cho chuyên gia | (B) |
| Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng | (M) |
| Tổng chi phí | $A + B + M$ |

Ghi chú:

Mục A, B, M: Hệ thống tự trích xuất từ Mẫu 12, 13, 14

Tổng Chi phí: Hệ thống tự tính và trích xuất ra giá dự thầu trong đơn đề xuất về tài chính

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự toán và gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Dịch vụ kiểm định chất lượng 08 chương trình đào tạo.
- Tên hạng mục: Dịch vụ kiểm định chất lượng 08 chương trình đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng.
- Chủ đầu tư/ Bên mời thầu: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng.
- Nguồn vốn: Vốn tự bổ sung hợp pháp của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật.
- Địa điểm thực hiện gói thầu: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật; Địa chỉ: 48 Cao Thắng – Q. Hải Châu – Thành phố Đà Nẵng.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.

- Gói thầu được triển khai nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng các CTĐT và phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng trên cơ sở rà soát, xem xét, đánh giá được thực trạng các mặt hoạt động của nhà trường bởi Tổ chức kiểm định chất lượng độc lập theo quy trình và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT.

II. Phạm vi công việc:

1. Phạm vi chi tiết công việc đối với nhà thầu khi nộp E-HSDT:

- Cung cấp Quyết định thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục và Giấy phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục hoặc các văn bản có tính chất tương ứng (tệp được quét từ bản sao hoặc bản gốc);
- Cung cấp báo cáo tài chính tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho 03 năm gần nhất 2022-2024 (tệp được quét từ bản gốc);
- Cung cấp bản cam kết không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu (tệp được quét từ bản gốc);
- Cung cấp bản cam kết lựa chọn thành viên đoàn Đánh giá ngoài không có xung đột về lợi ích với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng; trước đây và hiện nay không làm việc tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng; không có người thân (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) là thành viên trong ban lãnh đạo của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng;

+ Có tư cách, đạo đức tốt, trung thực và khách quan; có đủ sức khỏe đảm bảo thực hiện được các nhiệm vụ được phân công;

- Cung cấp tài liệu (tệp được quét từ bản gốc) chứng minh kinh nghiệm thực hiện các CTĐT trình độ đại học đã thực hiện kiểm định chất lượng;

- Cung cấp các tài liệu bắt buộc quy định tại Chương IV. Biểu mẫu dự thầu, nhà thầu cung cấp các tài liệu của chuyên gia thực hiện gói thầu (tệp được quét từ bản sao hoặc bản gốc), bao gồm:

+ Văn bằng trình độ cao nhất;

+ Chứng chỉ hoàn thành CTĐT kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục/Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên giáo dục ĐH&CDSP/Thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục;

+ Quyết định bổ nhiệm hoặc các tài liệu khác tương đương :

* Trưởng khoa, phó trưởng khoa hoặc giữ các chức vụ khác tương đương hoặc cao hơn đối với chuyên gia được phân công giữ vị trí/chức vụ Trưởng đoàn đánh giá ngoài (ĐGN). Trường hợp đặc biệt, Trưởng đoàn ĐGN đã nghỉ công tác theo chế độ nhà nước thì cung cấp Quyết định bổ nhiệm tương đương hoặc cao hơn gần nhất thời điểm nghỉ chế độ;

* Các Quyết định bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư.

- Yêu cầu đối với thành viên Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục

+ Văn bằng trình độ cao nhất;

+ Thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục còn hiệu lực.

- Cung cấp đề xuất tiến độ thực hiện chi tiết khi triển khai, thực hiện hợp đồng (bao gồm thời gian làm việc, thời gian phản hồi, nhân sự thực hiện).

2. Nội dung công việc của nhà thầu khi được lựa chọn:

- Nhận bàn giao báo cáo tự đánh giá 08 chương trình đào tạo và các tài liệu, minh chứng liên quan từ Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng. Bàn giao các tài liệu, minh chứng liên quan đến các chuyên gia thẩm định, đoàn đánh giá ngoài, Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

- Phối hợp với Trường lập kế hoạch chi tiết khi triển khai, thực hiện hợp đồng;

- Phối hợp với Trường, các chuyên gia thẩm định, đoàn đánh giá ngoài, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục triển khai kiểm định chất lượng giáo dục các chương trình đào tạo theo văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT hiện hành;

- In và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;

- Phối hợp với Trường công khai Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

3. Nội dung yêu cầu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

3.1. Thẩm định báo cáo tự đánh giá 08 chương trình đào tạo.

3.1.1. Nhiệm vụ chung đối với chuyên gia thẩm định báo cáo tự đánh giá.

- Tiếp nhận báo cáo tự đánh giá và các tài liệu, minh chứng liên quan đến 08 CTĐT của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng từ Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục được Trường lựa chọn;

- Nghiên cứu báo cáo tự đánh giá CTĐT, nhận định về mức độ phù hợp giữa cấu trúc của báo cáo tự đánh giá với quy định trong văn bản hướng dẫn tự đánh và đánh giá ngoài CTĐT tại Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Nhận xét tính đầy đủ, đáp ứng của nội dung mô tả và minh chứng cho các hoạt động của đơn vị đối với yêu cầu của các tiêu chí qui định trong thông tư ban hành qui định về đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 13/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.1.2. Nhiệm vụ cụ thể đối với chuyên gia thẩm định báo cáo tự đánh giá.

- Thẩm định nội dung (*nghiên cứu toàn bộ báo cáo tự đánh giá và nhận xét theo các vấn đề*):

- + Đối chiếu việc mô tả các hoạt động của đơn vị với yêu cầu của tiêu chí;
- + Phân tích, so sánh các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân;
- + Xác định những vấn đề cần cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện của đơn vị;
- + Kiểm tra tính xác thực của các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;
- + Kiểm tra tính đầy đủ, thống nhất của các thông tin và minh chứng về mức độ đạt của các tiêu chí;
- + Xác định những tiêu chí bị bỏ sót hoặc chưa được phân tích và đánh giá đầy đủ;
- + Đề xuất các nội dung cần chỉnh sửa, điều chỉnh trong từng phần của báo cáo tự đánh giá.

- Thẩm định kỹ thuật văn bản, pháp lý (*nghiên cứu toàn bộ báo cáo tự đánh giá và nhận xét theo các vấn đề*):

- + Đối chiếu cấu trúc của báo cáo tự đánh giá với hướng dẫn tự đánh giá CTĐT;
- + Nhận xét về hình thức, văn phong, chính tả trong báo cáo tự đánh giá;
- + Điền đầy đủ thông tin vào bảng kiểm;
- + Kiểm tra tính chính xác của các thông tin, số liệu phần cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục trong phần phụ lục của báo cáo tự đánh giá;
- + Đề xuất các nội dung cần chỉnh sửa về kỹ thuật;
- + Nhận xét về danh mục minh chứng và các phụ lục khác trong báo cáo tự đánh giá.

- Địa điểm thực hiện: Tại Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục được Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng lựa chọn;

- Tiến độ thực hiện: Nhà thầu đề xuất thời gian thực hiện chi tiết trong phạm vi thực hiện hợp đồng.

3.2. Đánh giá ngoài 08 chương trình đào tạo.

3.2.1. Nhiệm vụ chung.

- Mỗi đoàn đánh giá ngoài CTĐT tiếp nhận các tài liệu, minh chứng liên quan từ Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục được Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng lựa chọn;

- Tiến hành triển khai đánh giá ngoài CTĐT quy định tại Điều 17 Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ giáo dục và đào tạo.

3.2.2. Nhiệm vụ cụ thể.

- Thực hiện đánh giá ngoài CTĐT theo trình tự các bước được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn tự đánh và đánh giá ngoài CTĐT tại Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Địa điểm thực hiện khảo sát thực địa:

+ Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng: Số 136 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đối với 05 chương trình đào tạo quy định tại mục I.2 Chương này;

- Tiến độ thực hiện: Nhà thầu đề xuất thời gian thực hiện chi tiết trong phạm vi thực hiện hợp đồng.

3.3. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 02 chương trình đào tạo.

3.3.1. Nhiệm vụ chung.

- Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục tiếp nhận hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo từ Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục được Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng lựa chọn;

- Hội đồng nghiên cứu hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, họp toàn thể để trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín để thông qua nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

- Đề nghị Giám đốc công nhận hoặc không công nhận các cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3.3.2. Nhiệm vụ cụ thể.

- Thực hiện thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo trình tự các bước được quy định chi tiết tại Điều 22 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo.

- Địa điểm thực hiện: Tại Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục được Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng lựa chọn;

- Tiến độ thực hiện: Nhà thầu đề xuất thời gian thực hiện chi tiết trong phạm vi thực hiện hợp đồng.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Các báo cáo phải nộp

Nhà thầu phải nộp cho Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng các báo cáo được quy định tại các văn bản sau:

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các

trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 điều chỉnh một số phụ lục trong công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục Quản lý chất lượng về Hướng dẫn tự đánh giá và ĐGN CTĐT;

2. Tiến độ nộp báo cáo

Nhà thầu đề xuất thời gian thực hiện chi tiết trong phạm vi thực hiện hợp đồng.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu đối với nhà thầu:

- Là tổ chức Kiểm định chất lượng giáo dục có Giấy phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp còn hiệu lực hoặc văn bản cho phép triển khai hoạt động kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Có tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu;

- Cung cấp tài liệu xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế cho năm báo cáo tài chính gần nhất;

- Cung cấp bản cam kết lựa chọn thành viên đoàn Đánh giá ngoài không có xung đột về lợi ích với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng; trước đây và hiện nay không làm việc tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng; không có người thân (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) là thành viên trong ban lãnh đạo của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng;

+ Có tư cách, đạo đức tốt, trung thực và khách quan; có đủ sức khỏe đảm bảo thực hiện được các nhiệm vụ được phân công;

- Cung cấp tài liệu (tệp được quét từ bản gốc) chứng minh kinh nghiệm thực hiện các CTĐT trình độ đại học đã thực hiện kiểm định chất lượng;

- Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu.

- Có nhân sự đáp ứng yêu cầu được quy định tại Điều 3, Khoản 2.1, Mục 2, Chương III của E-HSMT.

V. Trách nhiệm của bên mời thầu:

- Cung cấp báo cáo tự đánh giá 08 chương trình đào tạo và các tài liệu, minh chứng liên quan đến Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục được Trường lựa chọn;

- Phân công nhân sự làm đầu mối làm việc với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục được Trường lựa chọn;

- Hợp tác, trao đổi, thảo luận với đoàn đánh giá ngoài về kết quả nghiên cứu báo cáo tự đánh giá, kết quả thẩm định báo cáo tự đánh giá, kết quả dự thảo đánh giá ngoài, kết quả chính thức đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục được Trường lựa chọn tại cơ sở giáo dục theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, bao gồm:

+ Bố trí và đảm bảo các điều kiện ăn, ở, đi lại, làm việc an toàn và thuận lợi cho đoàn ĐGN, thanh toán toàn bộ công tác phí phát sinh trong quá trình đoàn ĐGN khảo thực địa tại

cơ sở giáo dục;

+ Bố trí riêng một phòng làm việc có đầy đủ trang thiết bị (máy tính, máy chiếu, máy in, giấy in,...), văn phòng phẩm, nước uống trong suốt thời gian đoàn ĐGN khảo sát chính thức tại cơ sở giáo dục. Ngoài cửa phòng có biển ghi “Phòng làm việc của Đoàn đánh giá ngoài, từ ngày... đến ngày...”;

+ Bố trí đầy đủ địa điểm để phỏng vấn các đối tượng liên quan;

+ Thông báo rộng rãi tới cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên và người học các thông tin về việc ĐGN của đơn vị. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên và người học được tiếp xúc và cung cấp thêm thông tin cho đoàn ĐGN (nếu cần).

PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG
Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

| | |
|--|---|
| <p>1. Định nghĩa</p> | <p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là nhà thầu có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do Nhà thầu đề xuất trong E-HSDT và được Nhà thầu ký hợp đồng để thực hiện dịch vụ liên quan;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ tư vấn. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV.</p> |
| <p>2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên</p> | <p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>c) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</p> <p>d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) E-ĐKCT;</p> <p>e) E-ĐKC;</p> <p>g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu;</p> |

| | |
|---|--|
| | <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> |
| <p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p> | <p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p> |
| <p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p> | <p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p> |

| | |
|---|--|
| <p>5. Bản quyền</p> | <p>5.1. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.2. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.</p> |
| <p>6. Bảo hiểm</p> | <p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p> |
| <p>7. Loại hợp đồng</p> | <p>Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT.</p> |
| <p>8. Giá hợp đồng</p> | <p>Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.</p> |
| <p>9. Thuế, phí</p> | <p>Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.</p> |
| <p>10. Thanh toán</p> | <p>Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p> |
| <p>11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ</p> | <p>Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p> |
| <p>12. Thời gian thực hiện hợp đồng</p> | <p>Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT.</p> |
| <p>13. Sửa đổi hợp đồng</p> | <p>13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong khoảng thời gian nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản</p> |

| | |
|--|---|
| | <p>trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư;</p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của E-ĐKCT</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> |
| <p>14. Nhân sự</p> | <p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSĐT trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSĐT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu.</p> |
| <p>15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu</p> | <p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <p>a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn;</p> <p>b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng;</p> <p>c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với</p> |

| | |
|--------------------------------|--|
| | <p>những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả);</p> <p>d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Điều 10 Chương này.</p> <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <p>a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;</p> <p>b) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;</p> <p>c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có);</p> <p>d) Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;</p> <p>đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư;</p> <p>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng.</p> |
| <p>16. Nhà thầu phụ</p> | <p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ</p> |

| | |
|---|--|
| | 16.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT. |
| 17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại | Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT. |
| 18. Tạm dừng hợp đồng | Chủ đầu tư có thể tạm dừng các khoản thanh toán cho Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu tư vấn nhận được thông báo tạm dừng. |
| 19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu | <p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Khoản 1 Điều này, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p> |
| 20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư | Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT. |
| 21. Trường hợp bất khả kháng | <p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà</p> |

| | |
|---|---|
| | <p>nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyên cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p> <p>21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:</p> <p>(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc</p> <p>(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 22 Chương này.</p> |
| <p>22. Giải quyết tranh chấp</p> | <p>22.1. Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT.</p> |
| <p>23. Thông báo</p> | <p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-ĐKCT.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p> |

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

| | |
|----------------------|--|
| E-ĐKC 1.1 | Chủ đầu tư: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng |
| E-ĐKC 1.3 | Nhà thầu: _____ [Ghi tên nhà thầu trúng thầu] |
| E-ĐKC 1.10 | Địa điểm: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật; Địa chỉ: 48 Cao Thắng – Q. Hải Châu – Thành phố Đà Nẵng |
| E-ĐKC 1.11 | Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực từ khi hai bên ký hợp đồng |
| E-ĐKC 2.2 (i) | Các tài liệu khác: Không có |
| E-ĐKC 4.1 | Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Trong quá trình thương thảo hợp đồng. |
| E-ĐKC 7 | Loại hợp đồng: Trọn gói |
| E-ĐKC 8 | Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu. |
| E-ĐKC 10 | <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức thanh toán: Chuyển khoản - Đồng tiền thanh toán: VND. - Thời hạn thanh toán: Hai bên thỏa thuận trong quá trình thương thảo hợp đồng |
| E-ĐKC 11 | Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày |
| E-ĐKC 12.1 | Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu điều chỉnh hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh |
| E-ĐKC 13.1 | Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh |
| E-ĐKC 14.2 | Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư. |
| E-ĐKC 16.1 | Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng |
| E-ĐKC 16.2 | Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: Không áp dụng |
| E-ĐKC 16.4 | Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: |
| E-ĐKC 17 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng <ol style="list-style-type: none"> a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0.1% giá trị hợp đồng cho mỗi |



| | |
|-------------------|--|
| | <p>ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá 200.000.000 đồng Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Điều 10 thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại:</p> <p>- <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i></p> |
| E-ĐKC 19.1 | <p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <p>Nhà thầu không thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng; - Nhà thầu trao thầu phụ toàn bộ công việc hoặc chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận theo yêu cầu của Chủ đầu tư; - Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản. |
| E-ĐKC 20 | <p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: Nhà thầu vẫn có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng</p> |
| E-ĐKC 22.2 | <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. - Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên có thể gửi vấn đề lên Trọng tài (hoặc Toà án Kinh tế) để xử lý tranh chấp theo qui định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Toà án Kinh tế) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên. |
| E-ĐKC 23.1 | <p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư <p>Người nhận: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Địa chỉ: 48 Cao Thắng – Q. Hải Châu – Thành phố Đà Nẵng Điện thoại: 0236.3532128, Fax: 0236.3894884</p> |

- Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**Mẫu số 16****HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN**
(Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ² _____ [Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 14/6/2005 của Quốc hội];- Căn cứ¹ _____ [Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];- Căn cứ¹ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ Quyết định số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư

Tên chủ đầu tư _____ [Ghi tên chủ đầu tư]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu

Tên nhà thầu _____ [Ghi tên nhà thầu được lựa chọn]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

² Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Địa chỉ: _____
 Điện thoại: _____
 Fax: _____
 E-mail: _____
 Tài khoản: _____
 Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau :

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu”.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;
6. E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn;
7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung E-HSMT;
8. Các tài liệu có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong **E-ĐKC** và **E-ĐKCT** của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại **E-ĐKC** và **E-ĐKCT** của hợp đồng.
2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [Ghi rõ họ tên] là cán bộ phụ trách của chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

2. Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Phương thức thanh toán:

Phương thức thanh toán nêu tại Điều 10 E-ĐKCT

Điều 6. Loại hợp đồng

Hợp đồng này được thực hiện theo loại hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

[Nêu thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1.11 E-ĐKCT].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ____ bộ, chủ đầu tư giữ ____ bộ, nhà thầu giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC

- Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu
- Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu
- Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

